

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:34/2022/DS-PT

Ngày 01 – 8 – 2022

“V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Minh

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Mỹ Hải và ông Nguyễn Quang Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Như Quỳnh – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 / 8 /2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 3 năm 2022. về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Do có kháng cáo của Chị Nguyễn Thị Mai H là nguyên đơn và anh Nguyễn Đình P là bị đơn đối với bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2021/DSST ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 51/2022/QĐPT-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mai H, sinh năm: 1977; có mặt

Trú tại: khối Tân Quang, phường Lê M, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1993; có mặt

Địa chỉ: Phòng 301, tòa nhà Yên H, số 9A đường Nguyễn T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn:

1. Anh Nguyễn Đình P, sinh năm: 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khối Yên G, phường Vinh T, thành phố V, tỉnh Nghệ An

2. Bà Nghiêm Thị L, sinh năm: 1950(Vắng mặt)

Địa chỉ: khối Yên G, phường Vinh T, thành phố V, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án Dân sự sơ thẩm số: 42/2021/DS-ST ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Do có mối quan hệ bạn bè nên vào năm 2014 Chị Nguyễn Thị Mai H có cho anh Nguyễn Đình P vay số tiền cụ thể:

Khoản vay thứ nhất là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) do anh P vay và anh P chịu trách nhiệm trả nợ theo Giấy biên nhận kiêm Giấy vay tiền đề ngày 28/12/2014, thời hạn vay là 28 tháng. Khoản vay thứ hai là 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) do anh P vay và có mẹ của anh P là bà Nghiêm Thị L (tên gọi khác là Nguyễn Thị L) đứng ra bảo lãnh và cam kết nếu bên vay không trả được nợ và vì lý do gì mà không trả cả số tiền thì bên bảo lãnh có trách nhiệm trả số tiền 1.400.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 10/12/2015; bà L còn cam kết bà L có thửa đất số 38, tờ bản đồ số 14 diện tích 238m² nằm trong quy hoạch và khi nào gia đình nhận được tiền đền bù của nhà nước từ lô đất này thì sẽ đứng ra trả trước, nếu chưa đủ thì sẽ trả hết trong năm 2015 ; Khoản vay này được các bên viết Giấy biên nhận kiêm Giấy vay tiền đề ngày 27/12/2014, thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 10/12/2014 đến ngày 10/12/2015.

Hai khoản vay này sau đó được hai bên chốt nợ và viết lại thành Giấy vay ngày 30/12/2014 với số tiền vay là 2.700.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm triệu đồng) và thời hạn trả nợ là ngày 30/12/2015.

Do đến hạn anh P không trả nợ nên chị H làm đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là anh Nguyễn Đình P phải trả cho bà Nguyễn Thị Mai H số nợ là 2.700.000.000 đồng và buộc bà Nghiêm Thị L phải trả nợ thay cho anh P số tiền là 1.400.000.000 đồng trong trường hợp anh Nguyễn Đình P không trả nợ.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần cho bị đơn nhưng anh Nguyễn Đình P và bà Nghiêm Thị L vắng mặt các buổi làm việc và tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2021/DS-ST ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An quyết định:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 184; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự 2005; điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Buộc anh Nguyễn Đình P có nghĩa vụ trả cho Chị Nguyễn Thị Mai H số tiền là 2.700.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Nghiêm Thị L phải trả cho Chị Nguyễn Thị Mai H số tiền 1.400.000.000 đồng thay cho anh Nguyễn Đình P trong trường hợp anh Nguyễn Đình P không trả được nợ.

Về án phí: anh Nguyễn Đình P phải chịu 86.000.000 đồng (Tám mươi sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Chị Nguyễn Thị Mai H số tiền tạm ứng án phí là 43.000.000 đồng (Bốn mươi ba triệu đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0001036 ngày 15/10/2020.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền, nghĩa vụ thi hành án dân sự và tuyên quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/11/2021, nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị Mai H có đơn kháng cáo nộp với nội dung: Anh Nguyễn Đình P có vay chị 02 khoản vay với tổng số tiền 2.700.000.000đ, khoản vay thứ nhất 1.300.000.000đ anh P viết giấy vay ngày 28/12/2014 và khoản vay thứ 2 ngày 27/12/2014 anh P viết giấy vay và bà Nghiêm Thị L mẹ anh P đứng ra bảo lãnh trả nợ. Do đó, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị, buộc bà L mẹ anh P phải có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với số tiền 1.400.000.000đ. do bà L đã bảo lãnh trả nợ cho anh P theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/12/2021, bị đơn là anh Nguyễn Đình P có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án số 42/2021/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh vì theo anh P, số tiền anh P vay chị H đã trả hết, hai bên không còn nợ nần gì nhau. Các giấy vay nợ chị H xuất trình cho Tòa án là giấy nợ cũ, khi trả nợ xong, hai bên tin tưởng nên anh P không thu hồi giấy nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn chị H trình bày năm 2017 anh P trả nợ cho chị hàng tháng 20.000.000đ từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017 anh P đã trả cho chị 165.000.000đ, do năm 2019 anh P có gọi điện trao đổi do khoản vay không có lãi suất nên anh P nói 165.000.000đ là tiền lãi còn gốc vẫn nguyên nay anh P cho rằng 165.000.000đ là trả nợ gốc chị cũng đồng ý nay chị H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh P trả số tiền 2.535.000.000đ và đề nghị cấp phúc thẩm buộc bà Nghiêm Thị L phải trả nợ thay anh P số tiền 1.400.000.000đ trong trường hợp anh P không trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

1. Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ việc.

2. Về nội dung:

Xét kháng cáo của đương sự:

- Đối với nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị Mai Hoa:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình có cơ sở xác định ngày 27/12/2014, chị H cho anh P vay số tiền 1.400.000.000 đồng, có bà L xác nhận bảo lãnh với nội dung "*gia đình nhận được tiền đền bù của Nhà nước từ lô đất này thì bà Liên sẽ chịu trách nhiệm đứng ra trả trước cho bà Hoa toàn bộ số tiền được nhà nước bồi thường cho lô đất t trên, nếu chưa đủ thì số tiền còn lại sẽ trả hết trong năm 2015*", thời hạn vay từ ngày 10/12/2014 đến ngày 10/12/2015, tuy vậy tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thừa nhận gia đình bà L chưa được nhận tiền đền bù đất. Ngày 30/12/2014, chị H và anh P lại ký tiếp Giấy vay tiền với nội dung chị H cho anh P vay 2.700.000.000 đồng, trong đó có 1.400.000.000 đồng chuyển từ Giấy vay tiền ngày 27/12/2014, thời hạn vay từ ngày 30/12/2014 đến ngày 30/12/2015. Như vậy, mặc dù tại Giấy vay tiền ngày 27/12/2014, bà L có ký xác nhận sẽ trả trước cho chị H số tiền 1.400.000.000 đồng khi nhận được tiền đền bù đất nhưng theo trình bày của nguyên đơn thì đến thời điểm hiện tại gia đình bà L chưa nhận được tiền đền bù đất. Theo Kết luận giám định chữ ký của bà Liên dưới mục người bảo lãnh trong giấy biên nhận kiêm giấy vay tiền với mẫu so sánh để giám định thì không có đủ cơ sở kết luận chữ ký đó là do một người viết ra. Mặt khác, ngày 30/12/2014, chị H và anh P lại nhập khoản nợ ngày 27/12/2014 vào khoản nợ ngày 30/12/2014 nhưng với số tiền

và thời hạn trả nợ khác nhau, mặc dù tại Giấy vay tiền này anh P có cam kết bà L vẫn bảo lãnh số tiền 1.400.000.000 đồng nhưng nội dung cam kết trên không có xác nhận và chữ ký của bà L, các bên cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh bà L đã thỏa thuận, đồng ý những nội dung thay đổi về số tiền và thời hạn trả nợ được thể hiện tại Giấy vay tiền ngày 30/12/2014 hay bà L ủy quyền cho anh P viết nội dung cam kết trên nên không thể buộc bà L phải chịu trách nhiệm bảo lãnh cho khoản nợ của anh P theo Giấy vay tiền ngày 30/10/2014. Do đó nội dung kháng cáo này của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày trong quá trình các bên thực hiện hợp đồng vay tài sản, anh P đã trả được số tiền 165.000.000 đồng tiền lãi suất, nay anh P cho rằng đây là số tiền trả nợ gốc thì chị H cũng chấp nhận, do đó nguyên đơn đề nghị thay đổi nội dung khởi kiện theo hướng yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 2.535.000.000 đồng. Xét nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Bên cạnh đó, quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm bà Liên không tham gia tố tụng, không có ý kiến trình bày gửi cho tòa án nhưng tòa án không tiến hành xác minh làm rõ bà Nghiêm Thị L và Nguyễn Thị L có phải là một người không mà chỉ căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện nguyên đơn “*Bà Nghiêm Thị Liên (tên gọi khác là Nguyễn Thị Liên)*” để xác định đó là một người và đưa bà Nghiêm Thị Liên vào tham gia tố tụng là không chính xác. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, tòa án bác đơn khởi kiện của chị H về yêu cầu đối với bà Liên, và vi phạm này cũng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự. Tuy nhiên tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về nội dung này.

- *Đối với nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Đình Phong:*

Khoản 3 Điều 296 BLTTDS quy định: "Người kháng cáo được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt thì bị coi như từ bỏ việc kháng cáo và Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người đó, trừ trường hợp người đó đề nghị xét xử vắng mặt thì Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

Trường hợp người kháng cáo vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì phải hoãn phiên tòa.

Trường hợp có nhiều người kháng cáo, trong đó có người kháng cáo được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nhưng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt thì coi như người đó từ bỏ việc kháng cáo và Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Trong phần quyết định của bản án, Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của người kháng cáo vắng mặt đó".

Tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện sau khi TAND TP Vinh xét xử sơ thẩm, bị đơn có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định. Tuy vậy, quá trình giải quyết

vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt, bị đơn cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ thể hiện bị đơn vắng mặt do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt nên cần xác định bị đơn đã từ bỏ kháng cáo và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của bị đơn Nguyễn Đình P.

Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 296 BLTTDS đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của bị đơn Nguyễn Đình P, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS năm 2015 sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn anh Nguyễn Đình P phải trả cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai H 2.535.000.000 đồng.

- Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với bà Nghiêm Thị L Tòa án triệu tập nhiều lần không đến phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nghiêm Thị L.

[2] Xét kháng cáo của các đương sự:

[2.1] Đối với kháng cáo của anh Nguyễn Đình P: Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho anh Nguyễn Đình P 02 lần trở lên nhưng anh P không có mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó căn cứ Điều 312 BLTTDS: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Nguyễn Đình P.

[2.2] Đối với kháng cáo của nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Mai H Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn xuất trình có căn cứ xác định ngày 27/12/2014, chị H có cho anh P vay số tiền 1.400.000.000đ, có bà L xác nhận bảo lãnh với nội dung "*gia đình nhận được tiền đền bù của Nhà nước từ lô đất này thì bà Liên sẽ chịu trách nhiệm đứng ra trả trước cho bà Hoa toàn bộ số tiền được nhà nước bồi thường cho lô đất trên , nếu chưa đủ thì số tiền còn lại sẽ trả hết trong năm 2015*", thời hạn vay từ ngày 10/12/2014 đến ngày 10/12/2015. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thừa nhận gia đình bà L chưa được nhận tiền đền bù đất. Tại Giấy vay tiền ngày 27/12/2014, bà L có ký xác nhận sẽ trả trước cho chị H số tiền 1.400.000.000 đồng khi nhận được tiền đền bù đất nhưng theo trình bày của nguyên đơn thì đến nay gia đình bà L chưa nhận được tiền đền bù đất và tại Kết luận giám định chữ ký của bà Liên dưới mục người bảo lãnh trong giấy biên nhận kiêm giấy vay tiền với mẫu so sánh để giám định thì không có đủ cơ sở kết luận chữ ký đó là do một người viết ra . Đồng thời, tại giấy vay tiền ngày 30/12/2014, chị H và anh P lại nhập khoản nợ ngày 27/12/2014 vào khoản nợ ngày 30/12/2014 nhưng với số tiền và

thời hạn trả nợ khác nhau, mặc dù tại Giấy vay tiền này anh P có cam kết bà L vẫn bảo lãnh số tiền 1.400.000.000 đồng nhưng nội dung cam kết trên không có xác nhận và chữ ký của bà L, các bên cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh bà L đã thỏa thuận, đồng ý những nội dung thay đổi về số tiền và thời hạn trả nợ được thể hiện tại Giấy vay tiền ngày 30/12/2014 hay bà L ủy quyền cho anh P viết nội dung cam kết trên nên không thể buộc bà L phải chịu trách nhiệm bảo lãnh cho khoản nợ của anh P theo Giấy vay tiền ngày 30/10/2014 được. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận nội dung khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.3] Đối với nội dung rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày trong quá trình các bên thực hiện hợp đồng vay tài sản, anh P đã trả được số tiền 165.000.000 đồng tiền lãi suất, nay anh P cho rằng đây là số tiền trả nợ gốc thì chị H cũng chấp nhận, do đó nguyên đơn đề nghị thay đổi nội dung khởi kiện theo hướng yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 2.535.000.000 đồng. Xét nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên cần chấp nhận.

[3]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do Chị Nguyễn Thị Mai H thay đổi nội dung khởi kiện do đó xác định lại nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Đình P phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm.

Kháng cáo của Chị Nguyễn Thị Mai H không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 2 Điều 312 BLTTDS; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Nguyễn Đình P; Bác kháng cáo của Chị Nguyễn Thị Mai H. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 148 BLTTDS, Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Buộc anh Nguyễn Đình P có nghĩa vụ trả nợ cho Chị Nguyễn Thị Mai H số tiền là 2.535.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Nghiêm Thị L phải trả cho Chị Nguyễn Thị Mai H số tiền 1.400.000.000đ thay cho anh Nguyễn Đình P trong trường hợp anh Nguyễn Đình P không trả được nợ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đình P phải chịu 82.700.000đ án phí dân sự.

Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Đình P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009700 ngày 07/12/2021 tại Chi cục thi hành án thành phố Vinh.

Chị Nguyễn Thị Mai H phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 0009692 ngày 29/11/2021 tại Chi cục thi hành án thành phố Vinh.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND, VKSND thành phố Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Vinh;
- Dương sự;
- Lưu Hsơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hải Minh